



Họ và tên:

Lớp: 1.....

Thứ ngày tháng năm 202..

PHIẾU ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II

Môn: Toán

PHẦN I: TRẮC NGHIỆM

* Chọn ý trả lời đúng.

Câu 1: Số bé nhất trong các số 76, 69, 96, 97 là:

☐ 76

☐ 69

☐ 96

☐ 97

Câu 2: Cho các số: 11, 10, 15, 14, 16. Sắp xếp các số trên theo thứ tự từ lớn đến bé:

☐ 10, 11, 14, 15, 16

☐ 16, 14, 11, 10

☐ 16, 15, 14, 11, 10

☐ 16, 15, 14, 10, 11

Câu 3: $7 + 3 - 2 = \square$. Số thích hợp để điền vào ô trống là:

☐ 4

☐ 5

☐ 6

☐ 8

Câu 4: Số nào cộng với 5 để bằng 8?

☐ 7

☐ 3

☐ 5

☐ 13

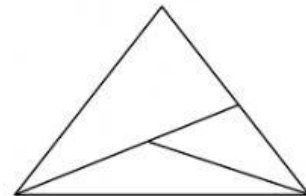
Câu 5: Hình bên có:

☐ 4 tam giác

☐ 6 tam giác

☐ 5 tam giác

☐ 7 tam giác



Câu 6: Số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là số nào?

☐ 10

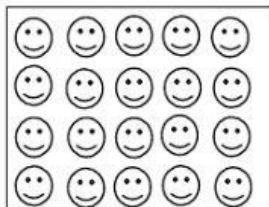
☐ 11

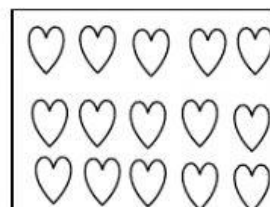
☐ 12

☐ 13

II. Tự luận

Bài 1: Số?





Bài 2: Tính.

a. $3 + 5 + 2 = \dots$

$7 - 0 + 2 = \dots$

$10 - 5 + 4 = \dots$

$9 + 1 - 8 = \dots$

b.	$\begin{array}{r} 3 \\ + \\ 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 4 \\ + \\ 2 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 10 \\ - \\ 3 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 6 \\ - \\ 4 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 9 \\ - \\ 8 \\ \hline \end{array}$	$\begin{array}{r} 5 \\ + \\ 5 \\ \hline \end{array}$
						

Bài 3: Điền dấu $>$, $<$, $=$?

$12 \dots 17$

$45 \dots 54$

$70 \dots 80$

$28 \dots 23$

$9 \dots 19$

$48 \dots 60$

Bài 4: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

a. Năm mươi ba:

Sáu mươi chín:

Bảy mươi một:

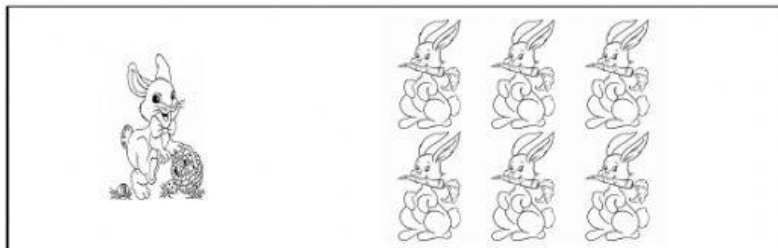
Một trăm:

b. Số 54 gồm chục và đơn vị.

Số 70 gồm chục và đơn vị.

Số gồm 4 chục và 2 đơn vị là

Số gồm 9 chục và 9 đơn vị là

Bài 5: Viết phép tính thích hợp.**Có tất cả bao nhiêu con thỏ?**

--	--	--	--	--

--	--	--	--	--

Bài 6: Điền số thích hợp vào ô trống (hình giống nhau điền số giống nhau).

$$\triangle + \triangle = 8$$

$$\square + \triangle = 10$$

$$\square - \bigcirc = 5$$

$$\star - \bigcirc = 7$$